

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 4 – 2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

2. Ông Bùi Chí Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tám E, sinh năm 1970, địa chỉ thường trú tại số B, ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay tại ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968, địa chỉ cư trú tại số B, ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tám E trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Nguyễn Thị Tám E và ông Nguyễn Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà E và ông X có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993; Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1992. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Trong thời gian đầu, bà E và ông X chung sống hạnh phúc nhưng hiện tại thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà E cho rằng giữa bà và ông X đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Nay bà Nguyễn Thị Tám E yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận bà Nguyễn Thị Tám E và ông Nguyễn Văn X không phải là vợ chồng;
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Tám E cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Văn X ly hôn, không có yêu cầu nào khác.

Tại Tờ tường trình ngày 17-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn X có ý kiến như sau:

Về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn giữa ông và bà Nguyễn Thị Tám E diễn ra đúng như lời trình bày của bà E. Tuy nhiên, việc bà E yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Sau khi bà E bỏ nhà đi năm 2021 thì ông đã nhìn nhận được sai trái của mình. Ông X thừa nhận có các hành vi không đúng với vợ trước đây, mong bà E bỏ qua và trở về chung sống lại với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, do bà Nguyễn Thị Tám E vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên ông Nguyễn Văn X thay đổi ý kiến và đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Tám E khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn X, cư trú tại ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Tám E và ông Nguyễn Văn X trình bày thống nhất với nhau về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng xác lập từ năm 1988 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; hai bên cũng thống nhất về con chung, tài sản chung, nợ chung và quá trình mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không hàn gắn được. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy bà E và ông X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà E và ông X không được pháp luật công

nhận là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tám E vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà E và ông X là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Các con chung của bà E và ông X đều đã thành niên và không thuộc các trường hợp khác quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà E và ông X thống nhất trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tám E.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tám E và ông Nguyễn Văn X.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tám E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006401 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Tân Long, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm